

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG CHEMIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG CHEMIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHEMIC CHEMICAL EQUIPMENT AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHEMIC CHEMICAL EQUIPMENT AND ENVIRONMENT.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107699359

**3. Ngày thành lập:** 09/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 ngách 3/15 Cù Chính Lan, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | <p>Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su ;</li> <li>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên ;</li> <li>- Sản xuất chất giống nhựa ;</li> <li>- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất ;</li> <li>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm ;</li> <li>- Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác ;</li> <li>- Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh ;</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như:</li> </ul> <p>+ Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất proteinkhác và dẫn xuất của chúng,</p> <p>+ Dầu mỡ,</p> <p>+ Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học,</p> <p>+ Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da,</p> <p>+ Bột và bột nhão sử dụng trong hàn,</p> <p>+ Sản xuất chất để tẩy kim loại,</p> <p>+ Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,</p> <p>+ Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho</p> <p>cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp,</p> <p>+ Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng,</p> <p>+ Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất mực vẽ và in ;</li> <li>- Sản xuất diêm ;</li> <li>- Sản xuất hương các loại...</li> </ul> | 2029        |
| 2.  | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động phiên dịch;</li> <li>- Tư vấn về môi trường;</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7490        |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592        |
| 4.  | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2821        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320(Chính) |
| 6.  | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2826        |
| 7.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3822        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653        |
| 9.  | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động trang trí nội thất</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2011 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng,<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                 | 4663 |
| 12. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312 |
| 13. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3600 |
| 14. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3700 |
| 15. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3812 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất máy làm bột giấy;</li> <li>- Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa;</li> <li>- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa;</li> <li>- Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa;</li> <li>- Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đập lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt;</li> <li>- Sản xuất máy in và máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác;</li> <li>- Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn;</li> <li>- Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau;</li> <li>- Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản xuất đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn,</li> <li>+ Sản xuất sản phẩm hoặc thủy tinh chịu nóng, sợi thủy tinh,</li> <li>+ Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị.</li> </ul> </li> <li>- Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác;</li> <li>- Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm;</li> <li>- Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan;</li> <li>- Sản xuất giường thuộc da;</li> <li>- Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (ví dụ thiết bị đặt pin);</li> <li>- Sản xuất thiết bị tập bắn, bơi lội và các thiết bị giải trí khác.</li> </ul> | 2829 |
| 18. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2220 |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2511 |
| 21. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2512 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | <p>Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn</li> <li>- - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...</li> <li>- Sản xuất túi đựng nữ trang;</li> <li>- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;</li> <li>- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;</li> <li>- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;</li> <li>- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;</li> <li>- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;</li> <li>- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải...</li> <li>- Sản xuất đinh hoặc ghim;</li> <li>- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm đinh vít</li> <li>- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;</li> <li>- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;</li> <li>- Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng;</li> <li>- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như :</li> <li>+ Sản xuất chân vịt tàu và cánh,</li> <li>+ Mỏ neo ,</li> <li>+ Chuông,</li> <li>+ Đường ray tàu hoả,</li> <li>+ Móc gài, khoá, bản lề.</li> <li>- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;</li> <li>- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;l</li> <li>- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;</li> <li>- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.</li> </ul> | 2599 |
| 23. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2825 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DUY KHUÔNG | Thôn Liên Sơn, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 121197551                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THANH QUẾ  | Thôn Liên Sơn, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 90,000    | 121929646                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ THỊ MƠ         | Thôn Phương Thượng, Xã Phương Chiểu, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 145285285                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH QUẾ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121929646

Ngày cấp: 27/01/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Liên Sơn, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Liên Sơn, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội